

Số: 153/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH B1 DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Chu Thị Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B1 Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 244/2024/TLST-VLD ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 131/2024/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm: 1988; thường trú: Thôn 5, xã Yê, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên lạc: Số 18/A13, khu phố 3, phường A, thành phố Th, tỉnh B1 Dương; Căn cước công dân số: 038088009233. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trịnh Ngọc T1, sinh năm 1989; thường trú: Thôn 5, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên lạc: Tổ 8, khu phố T, phường Th, thành phố T, tỉnh B1 Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Công ty TNHH T2; địa chỉ: Số 27B đường ĐT 743, KCN S, phường T, thành phố D, tỉnh B1 Dương. Vắng mặt.

3/ BHXH2, tỉnh B1 Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính Dĩ An, phường D, thành phố D, tỉnh B1 Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn Tr3. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Văn B1 trình bày:

Từ tháng 02/2008 đến tháng 01/2011, ông làm việc tại Công ty TNHH Bảo vệ môi trường Đ2. Nay ông tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y

tế thì Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của ông bị trùng. Do cùng thời điểm tháng 5/2008 đến tháng 8/2011, ông đã cho em họ tên Trịnh Ngọc T1 mượn chứng minh nhân dân để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 trong khoảng thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011 không phải là ông nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động vi phạm pháp luật và bị vô hiệu. Ông không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do sự hiểu biết pháp luật hạn chế nên ông đã cho ông T1 mượn hồ sơ để đi làm việc mà không nghĩ đến hậu quả pháp lý như hiện nay. Ngoài mục đích cho mượn hồ sơ đi làm việc thì giữa ông và ông T1 không còn mục đích nào khác. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động (từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011) giữa ông Nguyễn Văn B1 và Công ty TNHH T2 bị vô hiệu.

- Ông Dương Văn Tr3 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan BHXH2, tỉnh B1 Dương (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH T2 cho người lao động thì công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Nguyễn Văn B1 với mã số BHXH 7408138516 từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011 chưa nhận trợ cấp BHXH. Từ tháng 02/2008 đến tháng 01/2011 ông B1 còn có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Bảo vệ môi trường Đệ Nhất. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông B1, BHXH2 không lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của ông B1 thì BHXH2, tỉnh B1 Dương không có ý kiến.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Ngọc T1 trình bày: Ông và ông Nguyễn Văn B1 có mối quan hệ anh em họ. Đầu năm 2008 ông vào B1 Dương làm việc, do chưa làm chứng minh nhân dân để xin việc làm nên vào thời điểm từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011 ông mượn chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn B1 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Trong khoảng thời gian ông mượn hồ sơ thì ông B1 đang làm việc tại Công ty TNHH Bảo vệ môi trường Đ2. Chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 trong khoảng thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011 không phải là ông B1 nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động vi phạm pháp luật và bị vô hiệu. Ông không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do sự hiểu biết pháp luật hạn chế, bản thân cần có việc làm để nuôi bản thân nên ông đã mượn hồ sơ để đi làm việc mà không nghĩ đến hậu quả pháp lý như hiện nay. Ngoài mục đích cho mượn hồ sơ đi làm việc thì giữa ông và ông B1 không còn mục đích nào khác. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn B1.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T2 được Tòa án tổng đạt và triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến và tài liệu chứng cứ để Tòa án xem xét.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Nguyễn Văn B1 là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B1 Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu ông Nguyễn Văn B1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Ngọc T1 và BHXH2 đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T2 được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011, người lao động tên Nguyễn Văn B1, sinh năm 1988, căn cước công dân số 038088009233, được Công ty TNHH T2 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011 với mã số bảo hiểm xã hội là 7408138516. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH T2 và ông Nguyễn Văn B1 phát sinh từ hợp đồng lao động từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B1 và ông Trịnh Ngọc T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 và thực tế làm việc tại Công ty TNHH T2 trong khoảng thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011 là ông Trịnh Ngọc T1 chứ không phải ông Nguyễn Văn B1. Do ông T1 chưa làm chứng minh nhân dân nên đã mượn chứng minh nhân dân của ông B1 để xin việc làm. Xét thấy, lời trình bày của ông Nguyễn Văn B1 và ông Trịnh Ngọc T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, trong thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 8/2011 ông Nguyễn Văn B1 còn có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Bảo vệ môi trường Đ2.

[2.2] Xét thấy, việc ông Trịnh Ngọc T1 sử dụng chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn B1 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, B1 đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, BHXH2 đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Văn B1 bị trùng từ tháng 05/2008 đến tháng 08/2011. Do đó, ông Nguyễn Văn B1 yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH T2 với ông Nguyễn Văn B1 từ tháng 05/2008 đến tháng 08/2011 bị vô hiệu là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn B1 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Nguyễn Văn B1.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn B1 với Công ty TNHH T2, thời gian làm việc từ tháng 05/2008 đến tháng 08/2011 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Nguyễn Văn B1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001527 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh B1 Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B1 Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNHOẶP

Chu Thị Vân